

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 484/2025/DS-PT
Ngày: 08/5/2025
V/v “Tranh chấp di sản thừa kế”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Anh Minh

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mỹ Nhung

Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Lương – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:* Bà Nguyễn Vũ Mai Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ
Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 156/2025/DS-PT
ngày 20/02/2025, về việc “Tranh chấp di sản thừa kế”. Do Bản án dân sự sơ
thẩm số 1028/2024/DS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình
Tân, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử phúc thẩm số 1361/2025/QĐ-PT ngày 18/3/2025 và Quyết định hoãn phiên
tòa số 4741/2025/QĐ-PT ngày 08/4/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thị B, sinh năm 1956 (có mặt); Địa chỉ: số B đường
P, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Nguyên L, sinh năm 1970 (có
mặt); Địa chỉ: số C đường N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hà Thị B: Ông Huỳnh
Ngô Tường B1 (có mặt) – Công ty L1, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố
H.

- Bị đơn:

1. Ông Huỳnh Hữu T, sinh năm 1995 (có mặt); Địa chỉ: số B đường L,
Khu phố A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1990 (có
mặt); Địa chỉ: số D B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy
ủy quyền ngày 10/4/2023).

2. Bà Điền Thị Kim H, sinh năm 1971 (có mặt); Địa chỉ: số B đường X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Điền Thị Kim H: Bà Trương Thị H1 (có mặt) – Văn phòng luật sư Trương Thị H1, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Văn phòng C (trước đây là Văn phòng C); Địa chỉ: số A đường C, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Ông Huỳnh Trọng H2, sinh năm 1983 (vắng mặt); Địa chỉ: số A Đường Ông Í, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Huỳnh Hữu T và bà Điền Thị Kim H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Hà Thị B có người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 05/7/2021, ông Huỳnh Tô H3 có đến Văn phòng C (địa chỉ: B M, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) để lập di chúc số: 00016597, quyền số: 07/2021TP/CC-SCC/HĐGD. Theo nội dung di chúc thì sau khi ông H3 qua đời, bà B là người được thừa hưởng toàn bộ di sản thừa kế của ông H3 để lại gồm tiền gốc và tiền lãi phát sinh được gửi trong các ngân hàng, chia thành 10 thẻ tiết kiệm gồm:

1/ Thẻ tiết kiệm Phúc A, số H5 21324, số tài khoản 321849529 do Ngân hàng thương mại cổ phần Á – chi nhánh Ô (A) phát hành ngày 07/11/2020, số tiền gửi đến ngày 07/11/2020 là 200.000.000 đồng;

2/ Thẻ tiết kiệm Phúc A, số H4 27514, số tài khoản 308813839 do Ngân hàng thương mại cổ phần Á – chi nhánh Ô (A) phát hành ngày 11/5/2020, số tiền gửi đến ngày 12/5/2021 là 300.000.000 đồng;

3/ Thẻ tiết kiệm Phúc A, số H3 98474, số tài khoản 308906509 do Ngân hàng thương mại cổ phần Á – chi nhánh Ô (A) phát hành ngày 12/5/2020, số tiền gửi đến ngày 12/5/2021 là 300.000.000 đồng;

4/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, số FI 60368 số tài khoản 293139559 do Ngân hàng thương mại cổ phần Á – chi nhánh Ô (A) phát hành ngày 01/10/2019, số tiền gửi đến ngày 31/10/2020 là 3.785.513.699 đồng;

5/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, số FK 03531 số tài khoản 295234239 do Ngân hàng thương mại cổ phần Á – chi nhánh Ô (A) phát hành ngày 31/10/2019, số tiền gửi đến ngày 28/11/2020 là 324.736.438 đồng;

6/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, số CD 3352872 số tài khoản 011704010024120 (03352872) do Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển

Thành phố H – chi nhánh Thành phố H (H4) phát hành ngày 16/11/2020, số tiền gửi đến ngày 16/11/2020 là 1.450.000.000 đồng;

7/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, số CD 3352886 số tài khoản 011704010024175 (03352886) do Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H – chi nhánh Thành phố H (H4) phát hành ngày 25/11/2020, số tiền gửi đến ngày 25/11/2020 là 540.000.000 đồng;

8/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, số CD 3352541 số tài khoản 011704010024006 (03352541) do Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H – chi nhánh Thành phố H (H4) phát hành ngày 20/10/2020, số tiền gửi tính đến ngày 20/10/2020 là 1.100.000.000 đồng;

9/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, số CD 3356178 số tài khoản 011704010025356 (03356178) do Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H – chi nhánh Thành phố H (H4) phát hành ngày 02/7/2021, số tiền gửi tính đến ngày 02/7/2021 là 1.951.940.000 đồng;

10/ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, số CR 889708 số tài khoản 060255852161 do Ngân hàng thương mại cổ phần S1 – Chi Nhánh C1 – Phòng G (S2) phát hành ngày 28/9/2020, số tiền gửi tính đến ngày 28/9/2020 là 2.500.000.000 đồng.

Ngày 16/8/2021 ông Huỳnh Tô H3 chết. Trước khi chết 04 ngày, ông Huỳnh Tô H3 có gọi bà B qua nhà để lấy bản chính các thẻ tiết kiệm nhưng lúc đó do dịch Covid-19 nên bà B không qua được. Sau khi ông H3 chết, thì ông Huỳnh Hữu T và bà Điền Thị Kim H đã tự ý chiếm giữ toàn bộ các sổ thẻ tiết kiệm nêu trên của ông H3. Hành vi của ông T và bà H đã và đang gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi chính đáng của bà B, làm cho bà B không đi khai nhận di sản mà ông H3 để lại được.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Yêu cầu Tòa án công nhận di chúc số 00016597, quyền số 07/2021TP/SCC/HĐGD mà ông Huỳnh Tô H3 lập ngày 05/7/2021 tại Văn Phòng C là hợp pháp. Bà Hà Thị B được hưởng toàn bộ các di sản do ông Huỳnh Tô H3 để lại cho bà theo di chúc trên;

- Tuyên buộc ông Huỳnh Hữu T và bà Điền Thị Kim H trả cho bà Hà Thị B bản chính 10 thẻ tiết kiệm trên với tổng giá trị tiền gửi tiết kiệm là 12.452.190.137 đồng.

- Trường hợp không thu hồi được 10 thẻ tiết kiệm nêu trên, thì bà Hà Thị B được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền khai nhận di sản theo di chúc số 00016597, quyền số 07/2021TP/SCC/HĐGD mà ông Huỳnh Tô H3 lập ngày 05/7/2021 tại Văn Phòng C ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và không có yêu cầu gì khác.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Hữu T và bà Điền Thị Kim H vì số tiền gửi tiết kiệm nêu trên là tài sản riêng của ông H3 và ông H3 đã Di chúc cho bà B theo Di chúc ngày 05/7/2021 là hợp pháp, bà H cho rằng đây là tài sản chung thì bà H phải cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho tài sản chung, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tổng số tiền tiết kiệm mà ông H3 gửi tại 10 Thẻ tiết kiệm nêu trên là tài sản riêng của ông H3, ông H3 sau khi ly hôn với bà B thì không có đăng ký kết hôn với ai khác cho đến khi ông H3 chết. Ngày 05/7/2021, bà Hà Thị B và ông Huỳnh Tô H3 cùng nhau đem bản chính của 10 Thẻ tiết kiệm nêu trên đến Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh để lập Di chúc. Tại thời điểm ở Phòng công chứng thì có rất nhiều người đến Phòng công chứng để làm việc và phải chờ đến lượt, không có việc bị hạn chế đi lại như bị đơn trình bày.

Ông Huỳnh Tô H3 sinh năm 1951, chết ngày 16/8/2021, chết tại nhà riêng của ông H3 (số A đường Ô, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh). Hàng thừa kế của ông Huỳnh Tô H3 gồm:

- Cha mẹ ông H3 đã chết trước ông H3.
- Vợ ông H3: đã ly hôn từ năm 1987 đến khi chết thì không đăng ký kết hôn với ai khác. Khoảng năm 1995 thì hay tin bà Điền Thị Kim H có bầu với ông H3 rồi bà H sinh ông T xong thì ông H3 và bà H không sống chung với nhau, ông H3 có cấp dưỡng cho ông T 500.000 đồng/tháng đến 18 tuổi thì không cấp dưỡng nữa.
- Con ruột: ông Huỳnh Tử T2 (sinh năm 1978, chết ngày 05/12/2009), con của bà Hà Thị B và ông Huỳnh Tô H3. Ông T2 không có vợ và không có con.
- Con ruột: ông Huỳnh Trọng H2 (sinh năm 1983, địa chỉ: số A đường Ô, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh)
- Ông Huỳnh Hữu T (sinh năm 1995, địa chỉ: 2 đường L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) thì bà B không rõ có phải là con ruột của ông H3 hay không.

Bà không có thông tin gì về việc ông H3 tố cáo ông H2 nên không có thông tin để cung cấp cho Tòa án.

Ông H3 biết đọc hiểu chữ tiếng Việt, biết viết chữ tiếng Việt tuy nhiên việc viết chữ nó không được chuyên nghiệp lắm.

Bà B xác định là ông T có xác nhận bằng lời nói với bà B ngay ngày đám tang của ông H3 là ông T đang giữ bản chính của 10 thẻ tiết kiệm nêu trên.

** Bị đơn ông Huỳnh Hữu T có người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông T khẳng định: “Di chúc số 00016597 quyền số 07/2021 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn Phòng C chứng nhận ngày 05/7/2021 là Di chúc giả mạo hoặc lập trái với sự tự nguyện của ông H3, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T và bà Điền Thị Kim H”. Cụ thể:

Thứ nhất: ông Huỳnh Tô H3 và bà Hà Thị B đã ly hôn từ năm 1989 và giữa hai người không còn qua lại. Trong khi đó, tổng số tiền trong các sổ tiết kiệm đã nêu trong di chúc là hơn 12 tỷ đồng, đây là số tiền không nhỏ và nó là sự tích góp của bà Điền Thị Kim H và ông Huỳnh Tô H3 từ năm 1994 tới thời điểm lập các sổ tiết kiệm, đây là số tiền tuổi già của cha mẹ ông T. Bà Hà Thị B đã mâu thuẫn nghiêm trọng và ly hôn với ông Huỳnh Tô H3 thì không thể nào mà để lại di chúc cho bà B. Trong khi ông H3 còn có con là ông T, vợ (bà H).

Thứ hai: tại thời điểm lập di chúc số 00016597 quyền số 07/2021 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn Phòng C chứng nhận ngày 5/7/2021 thì đây là thời điểm dịch Covid bùng phát mạnh mẽ nhất, có rất nhiều công văn, chỉ thị từ T và Thành phố Hồ Chí Minh quy định áp dụng về giãn cách xã hội, những ai được phép di chuyển, di chuyển phải có giấy đi đường... vì thế ông H3 không thể có giấy đi đường từ cơ quan có thẩm quyền. Cụ thể:

- Chỉ Thị số 10/CT-UBND ngày 19/6/2021 của UBND Thành phố H về siết chặt và tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trên đại bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

- Văn bản số 2279/UBND-VX ngày 08/7/2021 của UBND Thành phố H;

- Văn bản số 2296/UBND-VX ngày 21/8/2021 của UBND Thành phố H về việc đi lại và có giấy đi đường đối với các nhóm đối tượng được phép lưu thông.

Theo Biên bản làm việc ngày 21/3/2022 tại Tòa án, nguyên đơn có trình bày: “ngày 5/7/2021, ông Huỳnh Tô H3 có đến Văn Phòng C lập Di chúc số 00016597 quyền số 07/2021 TP/CC- SCC/HĐGD”. Như vậy, ông H3 không thuộc đối tượng được cho phép di chuyển và đang thời điểm giãn cách xã hội, làm sao có thể đến để lập di chúc?

Thứ ba: Đối với bản chính các giấy tờ là sổ tiết kiệm đang tranh chấp. Sau khi lập di chúc ngày 09/01/2021, ông Huỳnh Tô H3 đã bàn giao toàn bộ cho bà H quản lý và cất giữ, kể cả Chứng minh nhân dân, CCCD và hộ khẩu bản chính. Hiện tại, bà H vẫn đang giữ tất cả những giấy tờ bản chính trên nên cơ sở nào chứng minh việc lập di chúc ngày 05/7/2021 là hợp pháp. Ngoài ra: theo Luật Công Chứng Điều 40, khoản 1 Điều 63 thì hồ sơ công chứng bao gồm phiếu yêu cầu công chứng, bản chính văn bản công chứng, bản sao các giấy tờ mà người yêu cầu công chứng đã nộp, các giấy tờ xác minh, giám định và giấy tờ liên quan khác. Như vậy việc cho phép thực hiện lập di chúc không có giấy tờ bản

chính của Công chứng viên và văn phòng C (nay là Văn Phòng C) là vi phạm pháp luật.

Thứ tư: ông Huỳnh Tô H3 đã Gửi đơn tố cáo ông Huỳnh Trọng H2 và Văn phòng C (nay là Văn Phòng C) cấu kết với nhau, chiếm đoạt tài sản ông H3 ngày 15/10/2020.

Hành vi của ông H2 “cố tình giả chữ ký làm đơn xin xác nhận độc thân ông H3 tại U, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và giả chữ ký đối với 02 hợp đồng tặng cho tiền cùng ngày và cùng một số 0004573 nhằm chiếm đoạt tài sản”.

Hành vi của Công chứng C (nay là Văn Phòng C): “thực hiện chứng nhận văn bản tặng cho tiền không phải người chủ sở hữu – ông H3”.

Ông Huỳnh Tô H3 đã 04 lần tố cáo ông Huỳnh Trọng H2 (ông H2 con bà B) và Văn phòng C (nay là Văn P Công chứng Nguyễn Thị S) về hành vi giả chữ ký, cấu kết nhau để chiếm đoạt tài sản và có biên nhận từ Cơ quan Cảnh Sát Điều tra Công an Thành Phố H, cho thấy mâu thuẫn giữa ông Huỳnh Tô H3 và ông Huỳnh Trọng H2; Văn phòng C (nay là Văn Phòng C) rất nghiêm trọng.

Thứ năm: ông Huỳnh Tô H3 tuy ở Việt Nam lâu nhưng chỉ sử dụng tiếng Hoa là chính. Ông H3 không rành tiếng việt; đọc, viết tiếng Việt không rành. Khi tiếp xúc tiếng việt rất chậm và cần phải có người hiểu tiếng việt để giải thích.

Thứ sáu: bà Q thường giúp ông H3 thực hiện các thủ tục mua bán, công chứng, di chúc... liên quan hầu hết giấy tờ, thế nhưng bà Q từng kết hợp với ông Huỳnh Trọng H2 (con bà B) lừa chiếm đoạt tài sản ông H3 và ông H3 đã tố cáo bà Q với ông H2, Văn phòng C (nay là Văn Phòng C) đến Cơ quan Cảnh Sát Điều tra Công an Thành Phố H.

Thứ bảy: ông T cho rằng, việc lập di chúc cho bà B là do một tay ông H2 kết hợp với công chứng dựng lên, nhằm chiếm đoạt toàn bộ tài sản trên của cha mẹ ông T và T3 bỏ di chúc hợp pháp của ông T.

Thứ tám: ngày 04/01/2023, bà Hà Thị B có đơn yêu cầu công nhận Di chúc số 00016597 quyền số 07/2021 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn Phòng C chứng nhận ngày 05/7/2021 là hợp pháp. Ông T cho rằng bà B đang sợ sự thật phơi bày, nên mới làm vậy.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông T hoàn toàn không đồng ý vì những lý do đã nêu ở trên, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông T xác định ông không có giữ bản chính của 10 thẻ tiết kiệm mà bà B yêu cầu ông T giao trả nêu trên, ông T chỉ biết bà Điện Thị Kim

H là người giữ 10 thẻ tiết kiệm mà bà B yêu cầu ông T, bà H giao trả nêu trên nhưng không biết bà H giữ từ thời điểm nào.

Ông T không có thông tin gì về việc giải quyết các yêu cầu tố cáo của ông H3 đối với ông H2, Văn phòng C để cung cấp cho Tòa án. Ông Huỳnh Hữu T yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu phản tố của ông T gồm: yêu cầu Tòa án hủy bỏ Di chúc số 00016597 do Phòng C chứng nhận ngày 05/7/2021 vì những lý do đã nêu ở trên. Đối với yêu cầu phản tố của bà Điền Thị Kim H (mẹ ông T), ông T không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo ông T thì hàng thừa kế của ông Huỳnh Tô H3 gồm:

- Cha mẹ ông H3 đã chết trước ông H3, không rõ họ tên và thông tin gì khác.

- Vợ ông H3: bà Điền Thị Kim H, năm 1971 chung sống như vợ chồng với ông Huỳnh Tô H3 từ năm 1994 tại nhà số A đường Ô, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đến khi ông H3 chết.

- Con ruột: ông Huỳnh Hữu T (sinh năm 1995, địa chỉ: 2 đường L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh), con của bà Điền Thị Kim H.

Những hàng thừa kế khác của ông H3 (nếu có) thì đề nghị Tòa án xác định theo đúng quy định của pháp luật, ông T không có thông tin nào khác để cung cấp cho Tòa án.

** Bị đơn bà Điền Thị Kim H trình bày:*

Từ năm 1994, bà Điền Thị Kim H và ông Huỳnh Tô H3 là vợ chồng chung sống hợp pháp với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng bà H (ông Huỳnh Tô H3 – bà Điền Thị Kim H) có 01 con chung tên Huỳnh Hữu T (sinh ngày 10/9/1995). Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng bà H (ông Huỳnh Tô H3 – bà Điền Thị Kim H) tạo lập được nhiều tài sản gồm bất động sản và tiền gửi tại ngân hàng. Trước khi chung sống với bà H, ông Huỳnh Tô H3 có 02 đời vợ nhưng đã chấm dứt hôn nhân bằng việc ly hôn.

Đời vợ thứ nhất là bà Hà Thị B, ông Huỳnh Tô H3 và bà Hà Thị B có 02 người con chung là Huỳnh Tử T2 (sinh năm 1978, chết ngày 05/12/2009 và Huỳnh Trọng H2 (sinh năm 1983, địa chỉ số A đường Ô, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh). Đến năm 1989 thì ông Huỳnh Tô H3 và bà Hà Thị B đã làm thủ tục ly hôn và phân chia tài sản theo Bản án dân sự phúc thẩm số 191/LH.PT ngày 21/8/1989 của TAND Thành phố Hồ Chí Minh

Đời vợ thứ hai là bà Nguyễn Kim D (sinh năm 1974), ông Huỳnh Tô H3 và bà Nguyễn Kim D không có con chung và đã ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn số 61 ngày 23/5/1992 của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà H chung sống với ông H3 từ năm 1994, có nộp đơn ly hôn tại Tòa án Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Đơn xin ly hôn ngày 23/6/1997 nhưng sau đó bà H và ông H3 đã đoàn tụ và bà H rút yêu cầu ly hôn nên Tòa án không giải quyết việc ly hôn này nữa và hai bên chung sống như vợ chồng đến khi ông H3 chết.

Ông Huỳnh Tô H3 sinh năm 1951, chết ngày 16/8/2021, chết tại nhà riêng của ông H3 số 110/51 đường Ô, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Hàng thừa kế của ông Huỳnh Tô H3 gồm:

- Cha mẹ ông H3 đã chết trước ông H3, không rõ họ tên và thông tin gì khác.

- Vợ ông H3: bà Điền Thị Kim H, năm 1971 chung sống như vợ chồng với ông Huỳnh Tô H3 từ năm 1994 tại nhà số A đường Ô, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đến khi ông H3 chết.

- Ông Huỳnh Tử T2 (sinh năm 1978, chết ngày 05/12/2009), con của bà Hà Thị B, có phải là con của ông H3 hay không thì bà H không rõ nên không có thông tin để cung cấp cho Tòa án.

- Ông Huỳnh Trọng H2 (sinh năm 1983, địa chỉ: số A đường Ô, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh), con của bà Hà Thị B, có phải là con của ông H3 hay không thì bà H không rõ nên không có thông tin để cung cấp cho Tòa án.

- Con ruột: ông Huỳnh Hữu T (sinh năm 1995, địa chỉ: 2 đường L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh), con của bà Điền Thị Kim H.

Bà H chỉ có Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 30/9/2020 của ông Huỳnh Tô H3 và Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 28/12/2020 của bà Điền Thị Kim H để chứng minh là bà H và ông H3 chung sống với nhau như vợ chồng. Sau khi ông H3 chết, bà H xem giấy tờ ông H3 để lại thì mới nhớ là ông H3 có nói là ông H3 tố cáo ông Huỳnh Trọng H2 và Văn phòng C, nhưng bà H không biết được kết quả giải quyết của các cơ quan có thẩm quyền như thế nào nên không có thông tin để cung cấp cho Tòa án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị B thì bà H phản bác hoàn toàn, bác bỏ Di chúc ngày 05/7/2021 vì bà H biết là ông Huỳnh Tô H3 không có lập di chúc này và các yêu cầu nêu trên của bà Hà Thị B không có căn cứ, đã vi phạm nghiêm trọng và ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H.

Bà Điền Thị Kim H thống nhất với yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Hữu T về việc yêu cầu Tòa án hủy bỏ Di chúc số 00016597 do Phòng C chứng nhận ngày 05/7/2021.

Bà Điền Thị Kim H yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu phản tố như sau:

- Hủy Di chúc ngày 05/7/2021, số công chứng 00016597, quyền số 07/2021TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh vì không hợp pháp, không do ông Huỳnh Tô H3 lập.

- Công nhận bà Điền Thị Kim H có 50% quyền sở hữu 10 thẻ tiết kiệm là tiền gốc và tiền lãi trên là tài sản chung của vợ chồng ông Huỳnh Tô H3 và bà Điền Thị Kim H, cụ thể như sau 10 thẻ tiết kiệm trị giá: 12.452.190.137 đồng. Phần của bà Điền Thị Kim H là: $(12.452.190.137 \text{ đồng}/2) = 6.226.095.068 \text{ đồng}$.

- Xác định 50% tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Huỳnh Tô H3 là di sản thừa kế của ông Huỳnh Tô H3 để lại cho 03 người thừa kế là: Điền Thị Kim H, Huỳnh Hữu T, Huỳnh Trọng H2; mỗi người được thừa kế 1/3 giá trị; Phần của ông Huỳnh Tô H3 là: $(12.452.190.137 \text{ đồng}/2) = 6.226.095.068 \text{ đồng}$; Phần của bà Điền Thị Kim H là: $(6.226.095.068 \text{ đồng}/3) = 2.075.365.022 \text{ đồng}$; Phần của ông Huỳnh Hữu T là: 2.075.365.022 đồng; Phần của ông Huỳnh Trọng H2 là: 2.075.365.022 đồng. Tổng cộng, phần của bà Điền Thị Kim H là: $(6.226.095.068 \text{ đồng} + 2.075.365.022 \text{ đồng}) = 8.301.460.090 \text{ đồng}$.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Nguyễn Thị S (trước đây là Văn phòng C: vắng mặt.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Trọng H2: vắng mặt, không có trình bày ý kiến gì trong suốt quá trình giải quyết vụ án.*

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn: vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn (bà H, ông T).

- Bị đơn ông Huỳnh Hữu T: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Yêu cầu phản tố hủy bỏ Di chúc số 00016597 do Phòng C chứng nhận ngày 05/7/2021; đồng ý với yêu cầu phản tố của bà Điền Thị Kim H.

- Bị đơn bà Điền Thị Kim H: không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đồng ý với yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Hữu T; yêu cầu Tòa án: hủy di chúc ngày 05/7/2021, công nhận bà Điền Thị Kim H có 50% quyền sở hữu 10 thẻ tiết kiệm có tiền gốc và tiền lãi là tài sản chung của ông Huỳnh Tô H3 và bà Điền Thị Kim H, phần của bà Điền Thị Kim H là $12.452.190.137 \text{ đồng}/2 = 6.226.095.068 \text{ đồng}$; xác định 50% tài sản tại 10 thẻ tiết kiệm trên thuộc quyền sở hữu của ông Huỳnh Tô H3 để lại và chia cho 02 người thừa kế là bà Điền Thị Kim H và ông Huỳnh Hữu T, bà H và ông T mỗi người được hưởng 25% giá trị của 10 thẻ tiết kiệm, tương ứng với số tiền mỗi người được hưởng là 3.113.047.534 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1028/2024/DS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị B:

1.1. Công nhận Di chúc ngày 05/7/2021, số 00016597, quyền số 07/2021TP/SCC/HĐGD do ông Huỳnh Tô H3 lập tại Văn Phòng C (nay là Văn phòng C) là hợp pháp. Bà Hà Thị B được hưởng toàn bộ các di sản do ông Huỳnh Tô H3 để lại theo Di chúc ngày 05/7/2021.

1.2. Buộc bà Điền Thị Kim H trả cho bà Hà Thị B bản chính 10 thẻ tiết kiệm có tổng giá trị tiền gửi tiết kiệm là 12.452.190.137 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định tại các thẻ tiết kiệm, chi tiết gồm:

Thẻ tiết kiệm Phúc A, số H5 21324, số tài khoản 321849529 do Ngân hàng thương mại cổ phần Á – chi nhánh Ô (A) phát hành ngày 07/11/2020, số tiền gửi đến ngày 07/11/2020 là 200.000.000 đồng;

Thẻ tiết kiệm Phúc A, số H4 27514, số tài khoản 308813839 do Ngân hàng thương mại cổ phần Á – chi nhánh Ô (A) phát hành ngày 11/5/2020, số tiền gửi đến ngày 12/5/2021 là 300.000.000 đồng;

Thẻ tiết kiệm Phúc A, số H3 98474, số tài khoản 308906509 do Ngân hàng thương mại cổ phần Á – chi nhánh Ô (A) phát hành ngày 12/5/2020, số tiền gửi đến ngày 12/5/2021 là 300.000.000 đồng;

Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, số FI 60368 số tài khoản 293139559 do Ngân hàng thương mại cổ phần Á – chi nhánh Ô (A) phát hành ngày 01/10/2019, số tiền gửi đến ngày 31/10/2020 là 3.785.513.699 đồng;

Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, số FK 03531 số tài khoản 295234239 do Ngân hàng thương mại cổ phần Á – chi nhánh Ô (A) phát hành ngày 31/10/2019, số tiền gửi đến ngày 28/11/2020 là 324.736.438 đồng;

Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, số CD 3352872 số tài khoản 011704010024120 (03352872) do Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H – chi nhánh Thành phố H (H4) phát hành ngày 16/11/2020, số tiền gửi đến ngày 16/11/2020 là 1.450.000.000 đồng;

Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, số CD 3352886 số tài khoản 011704010024175 (03352886) do Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H – chi nhánh Thành phố H (H4) phát hành ngày 25/11/2020, số tiền gửi đến ngày 25/11/2020 là 540.000.000 đồng;

Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, số CD 3352541 số tài khoản 011704010024006 (03352541) do Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H – chi

nhánh Thành phố H (H4) phát hành ngày 20/10/2020, số tiền gửi tính đến ngày 20/10/2020 là 1.100.000.000 đồng;

Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, số CD 3356178 số tài khoản 011704010025356 (03356178) do Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H – chi nhánh Thành phố H (H4) phát hành ngày 02/7/2021, số tiền gửi tính đến ngày 02/7/2021 là 1.951.940.000 đồng;

Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, số CR 889708 số tài khoản 060255852161 do Ngân hàng thương mại cổ phần S1 – Chi Nhánh C1 – Phòng G (S2) phát hành ngày 28/9/2020, số tiền gửi tính đến ngày 28/9/2020 là 2.500.000.000 đồng.

1.3. Trường hợp không thu hồi được 10 thẻ tiết kiệm nêu trên, thì bà Hà Thị B được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để khai nhận di sản thừa kế là 10 thẻ tiết kiệm theo Di chúc ngày 05/7/2021, số 00016597, quyền số 07/2021TP/SCC/HĐGD do ông Huỳnh Tô H3 lập tại Văn Phòng C (nay là Văn phòng C) ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Huỳnh Hữu T trả cho bà Hà Thị B bản chính 10 (mười) thẻ tiết kiệm nêu trên.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Hữu T về việc hủy Di chúc ngày 05/7/2021, số công chứng 00016597, quyền số 07/2021TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Văn phòng C).

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Điền Thị Kim H về việc:

- Hủy Di chúc ngày 05/7/2021, số công chứng 00016597, quyền số 07/2021TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Văn phòng C);

- Công nhận bà Điền Thị Kim H có 50% quyền sở hữu 10 thẻ tiết kiệm có tiền gốc và tiền lãi là tài sản chung của ông Huỳnh Tô H3 và bà Điền Thị Kim H, phần của bà Điền Thị Kim H là $12.452.190.137 \text{ đồng} / 2 = 6.226.095.068 \text{ đồng}$.

- Xác định 50% tài sản tại 10 thẻ tiết kiệm trên thuộc quyền sở hữu của ông Huỳnh Tô H3 để lại và chia cho 02 người thừa kế là bà Điền Thị Kim H và ông Huỳnh Hữu T; bà H và ông T mỗi người được hưởng 25% giá trị của 10 thẻ tiết kiệm, tương ứng với số tiền mỗi người được hưởng là 3.113.047.534 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 02/10/2024, Tòa án nhận Đơn kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Hữu T đề ngày 23/9/2024 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ông T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông T hủy bỏ Di chúc số 00016597 do Phòng C chứng nhận ngày 05/7/2021. Lý do kháng cáo do bản án sơ thẩm tuyên không làm rõ các mâu thuẫn nghiêm trọng, quá trình lập di chúc của ông Huỳnh Tô H3 có nhiều bất thường, không đúng theo trình tự, cụ thể: Giữa ông H3 và bà B đã mâu thuẫn nghiêm trọng nên dẫn đến ly hôn nên không thể ông H3 để lại di chúc tái sản cho bà B; Số tiền trong di chúc là tài sản của cha mẹ ông là ông H3 và bà H nên không thể ra công chứng làm di chúc để lại cho bà B một cách dễ dàng; Tinh thần và sức khỏe của ông Huỳnh Tô H3 yếu và không minh mẫn khi lập di chúc; Ngày lập di chúc là thời điểm dịch Covid bùng phát mạnh mẽ nên ông H3 không thể có giấy đi đường để đi đến phòng Công chứng; Di chúc số 00016597 ngày 05/7/2021 được công chứng có vấn đề bất thường và sai quy trình công chứng; Ông T đang nộp đơn tố cáo ông Huỳnh Trọng H2, bà Hà Thị B và Văn phòng C về hành vi cấu kết chiếm đoạt tài sản tại Văn phòng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H theo biên nhận ngày 17/9/2024.

Ngày 02/10/2024, Tòa án nhận Đơn kháng cáo của bị đơn bà Điền Thị Kim H đề ngày 23/9/2024 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, bà H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà H:

- Hủy Di chúc ngày 05/7/2021, số công chứng 00016597, quyển số 07/2021TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh vì không hợp pháp, không do ông Huỳnh Tô H3 lập.

- Công nhận bà Điền Thị Kim H có 50% quyền sở hữu 10 thẻ tiết kiệm là tiền gốc và tiền lãi trên là tài sản chung của vợ chồng ông Huỳnh Tô H3 và bà Điền Thị Kim H, cụ thể như sau 10 thẻ tiết kiệm trị giá: 12.452.190.137 đồng. Phần của bà Điền Thị Kim H là: $(12.452.190.137 \text{ đồng}/2) = 6.226.095.068 \text{ đồng}$.

- Xác định 50% tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Huỳnh Tô H3 là di sản thừa kế của ông Huỳnh Tô H3 để lại cho 03 người thừa kế là: Điền Thị Kim H, Huỳnh Hữu T, Huỳnh Trọng H2; mỗi người được thừa kế 1/3 giá trị; Phần của ông Huỳnh Tô H3 là: $(12.452.190.137 \text{ đồng}/2) = 6.226.095.068 \text{ đồng}$; Phần của bà Điền Thị Kim H là: $(6.226.095.068 \text{ đồng}/3) = 2.075.365.022 \text{ đồng}$; Phần của ông Huỳnh Hữu T là: 2.075.365.022 đồng; Phần của ông Huỳnh Trọng H2 là: 2.075.365.022 đồng.

Tổng cộng, phần của bà Điền Thị Kim H là: (6.226.095.068 đồng + 2.075.365.022 đồng) = 8.301.460.090 đồng.

Lý do kháng cáo bà H cho rằng bản án sơ thẩm xét xử không đúng sự thật và tình tiết khách quan của vụ án, chưa xem xét, đánh giá toàn bộ chứng cứ của vụ án khách quan toàn diện gây thiệt hại quyền lợi của bà H. Bản án sơ thẩm xét chưa đúng với quy định tại Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình và không áp dụng Án lệ số 05/2016/AL xem xét công sức bảo quản tài sản, di sản của bà H là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu phản tố; người kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không nộp thêm chứng cứ mới, bị đơn ông Huỳnh Hữu T có nộp tài liệu là bản phô tô 03 tờ báo đăng tin về Công chứng viên Nguyễn Duy T4.

- Bị đơn bà Điền Thị Kim H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo theo đơn kháng cáo ngày 23/9/2024.

- Bị đơn ông Huỳnh Hữu T yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đại diện bị đơn (ông T) cho rằng:

+ Ông T đã nộp đơn tố cáo ông Huỳnh Trọng H2, bà Hà Thị B và Công chứng viên Nguyễn Duy T4 về hành vi cấu kết chiếm đoạt tài sản tại văn phòng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H theo Biên nhận ngày 17/9/2024 và đã nộp biên nhận cho cấp sơ thẩm nhưng cấp sơ thẩm không xem xét.

+ Tại cấp sơ thẩm bị đơn có yêu cầu giám định dấu vân tay trên các sổ tiết kiệm nhưng cấp sơ thẩm không chấp nhận.

+ Tại Công văn số 220 của Văn phòng công chứng Nguyễn Thị S trả lời Tòa án do ông Nguyễn Duy T4 ký là không đúng quy định và Văn phòng C chỉ trả lời mà không cung cấp hồ sơ cho Tòa án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà H trình bày: Cấp sơ thẩm chưa làm rõ ông Huỳnh Tô H3 có biết rành tiếng Việt hay không vì ông H3 là người gốc H, chưa làm rõ cha mẹ ông H3 còn sống hay không, không xem xét công sức giữ gìn tài sản của bà H là không đúng với quy định tại Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình, cấp sơ thẩm không áp dụng Án lệ số 05 để tính công sức giữ gìn tài sản của bà H là chưa hợp lý. Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà H, sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Ngoài ra, đề nghị cấp phúc thẩm áp dụng quy định tại Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình và áp dụng Án lệ số 05 để tính công sức giữ gìn tài sản cho bà H.

- Nguyên đơn bà Hà Thị B không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông T, bà H. Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà B trình bày: Đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông T, bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Hữu T, bà Điền Thị Kim H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1028/2024/DS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Huỳnh Hữu T và bà Điền Thị Kim H nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Nguyễn Thị S, ông Huỳnh Trọng H2 vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Hữu T yêu cầu hủy bản án sơ thẩm; bị đơn bà Điền Thị Kim H yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu công nhận Di chúc ngày 05/7/2021, số 00016597, quyền số 07/2021TP/SCC/HĐGD do ông Huỳnh

Tô H3 lập tại Văn Phòng C (nay là Văn phòng C) là hợp pháp. Bà Hà Thị B được hưởng toàn bộ các di sản do ông Huỳnh Tô H3 để lại theo Di chúc ngày 05/7/2021.

Xét: Tại Di chúc ngày 05/7/2021, số 00016597, quyền số 07/2021TP/SCC/HĐGD do ông Huỳnh Tô H3 lập tại Văn Phòng C (nay là Văn phòng C), nội dung sau khi ông H3 qua đời thì bà Hà Thị B là người được thừa hưởng di sản của ông H3 để lại là 10 thẻ tiết kiệm có tổng giá trị tiền gửi tiết kiệm là 12.452.190.137 đồng vốn gốc, tiền lãi theo quy định và tiền lãi phát sinh theo các thẻ tiết kiệm. Ông Huỳnh Tô H3 chết ngày 16/8/2021 (theo Trích lục khai tử số 392/TLKT-BS ngày 28/5/2024), như vậy trước khi chết ông Huỳnh Tô H3 có lập di chúc.

Xét tính hợp pháp của Di chúc số 00016597, ngày 05/7/2021, do ông Huỳnh Tô H3 lập: Về hình thức di chúc đúng theo quy định tại Điều 627 Bộ luật dân sự, thời điểm lập di chúc ông H3 có đủ năng lực chủ thể theo quy định tại Điều 16 Bộ luật Dân sự. Tại Di chúc ngày 05/7/2021 nêu trên thì ông H3 đã tự xác nhận là ông H3 minh mẫn, sáng suốt, không bị ai ép buộc và xác nhận nội dung di chúc là đúng với ý muốn và nguyện vọng của ông H3. Theo Kết luận giám định số 1108/KL-KTHS ngày 12/4/2024 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận: chữ ký đang chữ viết tên “Há”, chữ viết họ tên Huỳnh Tô H3 và dòng chữ “Trong tình Trạng Minh mẫn Sáng Suốt, không bị ai ép buộc, Tôi xác nhận nội dung di chúc này đúng với ý muốn Và Nguyện vọng của Tôi. Tôi đồng ý lý tên vào di chúc này” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký dạng chữ viết tên “Há”, chữ viết của Huỳnh Tô H3 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M9 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người viết ra” và các bên đương sự đồng ý, không có ý kiến phản đối gì đối với Kết luận giám định số 1108/KL-KTHS ngày 12/4/2024 của Phòng K Công an Thành phố H nêu trên.

Về nội dung di chúc ngày 05/7/2021 của ông Huỳnh Tô H3 thể hiện: Sau khi ông H3 qua đời thì bà Hà Thị B là người được thừa hưởng di sản của ông H3 để lại là 10 thẻ tiết kiệm có tổng giá trị tiền gửi tiết kiệm là 12.452.190.137 đồng vốn gốc, tiền lãi theo quy định và tiền lãi phát sinh theo các thẻ tiết kiệm, xét: Căn cứ công văn trả lời xác minh số 31/CV-OIK.22 ngày 02/6/2022 của Ngân hàng TMCP Á (A); Công văn số 001/2022/CV-HCM ngày 10/8/2022 của ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H (H4) và Công Văn số 95/2022/CV-PGD LBT ngày 16/12/2022 của ngân hàng TMCP S1 (S2) thể hiện thời điểm ông H3 chết có đúng tên 10 sổ tiết kiệm được ghi nhận tại di chúc ngày 05/7/2021 của ông Huỳnh Tô H3 với số tiền gốc là 12.452.190.137 đồng.

Tại thời điểm ông H3 chết giữa ông H3 và bà H không đăng ký kết hôn, căn cứ Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 299/UBND-XNTTHN ngày

08/6/2020 và Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 30/9/2020 thì ông Huỳnh Tô H3 đã kết hôn nhưng đã ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn số 61 ngày 23/5/1992 của Tòa án nhân dân Quận 11 và chưa đăng ký kết hôn với ai. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất cha mẹ của ông H3 đã chết trước ông H3, ông H3 có 02 người con ruột đã trưởng thành là ông Huỳnh Trọng H2 sinh năm 1983, ông Huỳnh Hữu T sinh năm 1992. Xét, không có đương sự nào cung cấp cho Tòa án Di chúc nào khác được ông H3 lập sau ngày 05/7/2021 đối với các tài sản là 10 thẻ tiết kiệm được nêu trên, ông H3 không có người thừa kế không phụ thuộc vào di chúc theo quy định tại Điều 644 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Số tiền tại 10 sổ tiết kiệm ghi nhận tại di chúc ngày 05/7/2021 đứng tên ông Huỳnh Tô H3, bà H cho rằng sống chung như vợ chồng với ông H3 từ năm 1994 và số tiền trong 10 sổ tiết kiệm trên là tài sản chung của bà và ông H3 nhưng bà H không có chứng cứ để chứng minh số tiền tại 10 thẻ tiết kiệm nêu trên là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà H và ông H3 hoặc là tài sản thuộc sở hữu chung của bà H và ông H3, do đó, số tiền tại 10 thẻ tiết kiệm nêu trên là tài sản riêng của ông H3 nên ông H3 có toàn quyền quyết định đối với số tiền này là đúng với quy định pháp luật.

Do Di chúc ngày 05/7/2021, số 00016597, quyền số 07/2021TP/SCC/HĐGD do ông Huỳnh Tô H3 lập tại Văn Phòng C (nay là Văn phòng C) về hình thức và nội dung phù hợp với các quy định tại Điều 624, Điều 627, Điều 630 và khoản 3 Điều 640 Bộ luật Dân sự. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công nhận Di chúc hợp pháp và bà Hà Thị B được hưởng toàn bộ các di sản do ông Huỳnh Tô H3 để lại theo Di chúc ngày 05/7/2021 là đúng pháp luật.

Bị đơn bà H xác nhận đang giữ bản chính 10 thẻ tiết kiệm nêu trên do đó cần buộc bà H giao trả cho nguyên đơn là phù hợp.

[2.2] Về yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Hữu T yêu cầu Hủy Di chúc ngày 05/7/2021, số công chứng 00016597, quyền số 07/2021TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Văn phòng C); và bà Điền Thị Kim H có yêu cầu phản tố yêu cầu hủy Di chúc ngày 05/7/2021, số công chứng 00016597, Công nhận bà Điền Thị Kim H có 50% quyền sở hữu 10 thẻ tiết kiệm là tài sản chung. Xác định 50% tài sản tại 10 thẻ tiết kiệm trên thuộc quyền sở hữu của ông Huỳnh Tô H3 để lại và chia cho 02 người thừa kế là bà Điền Thị Kim H và ông Huỳnh Hữu T, bà H và ông T mỗi người được hưởng 25% giá trị của 10 thẻ tiết kiệm, tương ứng với số tiền mỗi người được hưởng là 3.113.047.534 đồng.

Xét, do Di chúc ngày 05/7/2021, số 00016597, quyền số 07/2021TP/SCC/HĐGD do ông Huỳnh Tô H3 lập tại Văn Phòng C (nay là Văn phòng C) là hợp pháp, số tiền tại 10 thẻ tiết kiệm nêu trên là tài sản riêng của

ông H3, nên ông H3 có toàn quyền định đoạt. Do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông T, bà H là có cơ sở.

[2.3] Xét ý kiến kháng cáo của bị đơn ông T, bà H:

- Bị đơn cho rằng Di chúc ngày 05/7/2021 được lập vào ngày 05/7/2021 là một trong những thời điểm bùng phát dịch Covid-19 nên ông H3 không thể đi đến phòng công chứng để lập di chúc. Tuy nhiên, theo Văn bản số 2279/UBND-VX ngày 08/7/2021 của UBND Thành phố H thì thực hiện cách ly xã hội toàn Thành phố theo tinh thần của Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trong vòng 15 ngày kể từ 00 giờ 00 phút ngày 09 tháng 7 năm 2021. Như vậy, thời điểm ông H3 lập Di chúc ngày 05/7/2021 không thuộc giai đoạn phải cách ly xã hội.

- Bị đơn cho rằng thời điểm lập di chúc thì sức khỏe và tinh thần của ông Huỳnh Tô H3 yếu và không minh mẫn nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông H3 mất năng lực chủ thể khi lập di chúc.

- Bị đơn bà H yêu cầu xem xét công sức bảo quản, giữ gìn di sản của bà H, xét, tại phiên tòa phúc thẩm bà H xác nhận bà H chung sống với ông H3 từ năm 1994, sống 04 năm thì bà H chuyển ra sống riêng, chỉ thỉnh thoảng ông H3 đón về nhà, bà H cũng không có chứng cứ thể hiện bà có công sức giữ gìn, bảo quản di sản của ông H3 do đó yêu cầu xem xét công sức của bà H không có cơ sở chấp nhận.

- Xét ý kiến yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của bị đơn ông T vì cho rằng: Ông T đã nộp đơn tố cáo ông Huỳnh Trọng H2, bà Hà Thị B và Công chứng viên Nguyễn Duy T4 về hành vi cấu kết chiếm đoạt tài sản tại Văn phòng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H theo biên nhận ngày 17/9/2024 và đã nộp biên nhận cho cấp sơ thẩm nhưng cấp sơ thẩm không xem xét. Tại cấp sơ thẩm bị đơn có yêu cầu giám định dấu vân tay trên các sổ tiết kiệm nhưng cấp sơ thẩm không chấp nhận.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại Biên nhận ngày 17/9/2024 do ông T nộp cho Tòa án thể hiện Văn phòng Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H có nhận Đơn tố giác của ông Huỳnh hữu T, nội dung tố giác ông Huỳnh Trọng H2, bà Hà Thị B và Công chứng viên Nguyễn Duy T4 về hành vi cấu kết chiếm đoạt tài sản. Ngoài ra, ông T không có chứng cứ nào khác chứng minh vụ việc tố giác trên đã bị khởi tố vụ án hình sự do đó cấp sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án là không vi phạm thủ tục tố tụng. Về yêu cầu giám định dấu vân tay trên các sổ tiết kiệm là không cần thiết cho việc giải quyết vụ án do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận là đúng quy định.

- Xét ý kiến của ông T cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng vì tại Công văn số 220 của Văn phòng C trả lời Tòa án do ông Nguyễn Duy T4 ký là không đúng quy định và Văn phòng C chỉ trả lời mà không cung cấp hồ sơ cho Tòa án. Hội đồng xét xử xét, quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã có công văn yêu cầu Văn Phòng C (nay là Văn phòng C) tham gia tố tụng và ngày 29/8/2022 Tòa án nhận Công văn số 220/CV-VPCCNTS của Văn phòng C trả lời và có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, cấp sơ thẩm không vi phạm thủ tục tố tụng.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, thu thập, đánh giá đúng và đầy đủ tài liệu, chứng cứ đối với vụ án; Bản án dân sự sơ thẩm số 1028/2024/DS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng pháp luật; Nội dung kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cùng quan điểm với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 17, Điều 105, Điều 106, Điều 107, Điều 205, Điều 206, Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 624, Điều 625, Điều 626, Điều 627, Điều 628, Điều 630 và Điều 640 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Hữu T và bà Diên Thị Kim H; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1028/2024/DS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị B:

1.1. Công nhận Di chúc ngày 05/7/2021, số 00016597, quyền số 07/2021TP/SCC/HĐGD do ông Huỳnh Tô H3 lập tại Văn Phòng C (nay là Văn phòng C) là hợp pháp. Bà Hà Thị B được hưởng toàn bộ các di sản do ông Huỳnh Tô H3 để lại theo Di chúc ngày 05/7/2021.

1.2. Buộc bà Điền Thị Kim H trả cho bà Hà Thị B bản chính 10 (mười) thẻ tiết kiệm có tổng giá trị tiền gửi tiết kiệm là 12.452.190.137 (mười hai tỷ, bốn trăm năm mươi hai triệu, một trăm chín mươi nghìn, một trăm ba mươi bảy) đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định tại các thẻ tiết kiệm, chi tiết gồm:

Thẻ tiết kiệm Phúc A, số H5 21324, số tài khoản 321849529 do Ngân hàng thương mại cổ phần Á – chi nhánh Ô (A) phát hành ngày 07/11/2020, số tiền gửi đến ngày 07/11/2020 là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng;

Thẻ tiết kiệm Phúc A, số H4 27514, số tài khoản 308813839 do Ngân hàng thương mại cổ phần Á – chi nhánh Ô (A) phát hành ngày 11/5/2020, số tiền gửi đến ngày 12/5/2021 là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng;

Thẻ tiết kiệm Phúc A, số H3 98474, số tài khoản 308906509 do Ngân hàng thương mại cổ phần Á – chi nhánh Ô (A) phát hành ngày 12/5/2020, số tiền gửi đến ngày 12/5/2021 là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng;

Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, số FI 60368 số tài khoản 293139559 do Ngân hàng thương mại cổ phần Á – chi nhánh Ô (A) phát hành ngày 01/10/2019, số tiền gửi đến ngày 31/10/2020 là 3.785.513.699 (ba tỷ, bảy trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm mười ba nghìn, sáu trăm chín mươi chín) đồng;

Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, số FK 03531 số tài khoản 295234239 do Ngân hàng thương mại cổ phần Á – chi nhánh Ô (A) phát hành ngày 31/10/2019, số tiền gửi đến ngày 28/11/2020 là 324.736.438 (ba trăm hai mươi tư triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn, bốn trăm ba mươi tám) đồng;

Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, số CD 3352872 số tài khoản 011704010024120 (03352872) do Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H – chi nhánh Thành phố H (H4) phát hành ngày 16/11/2020, số tiền gửi đến ngày 16/11/2020 là 1.450.000.000 (một tỷ bốn trăm năm mươi triệu) đồng;

Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, số CD 3352886 số tài khoản 011704010024175 (03352886) do Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H – chi nhánh Thành phố H (H4) phát hành ngày 25/11/2020, số tiền gửi đến ngày 25/11/2020 là 540.000.000 (năm trăm bốn mươi triệu) đồng;

Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, số CD 3352541 số tài khoản 011704010024006 (03352541) do Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H – chi nhánh Thành phố H (H4) phát hành ngày 20/10/2020, số tiền gửi tính đến ngày 20/10/2020 là 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu) đồng;

Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, số CD 3356178 số tài khoản 011704010025356 (03356178) do Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Thành phố H – chi nhánh Thành phố H (H4) phát hành ngày 02/7/2021, số tiền gửi tính đến ngày

02/7/2021 là 1.951.940.000 (một tỷ, chín trăm năm mươi một triệu, chín trăm bốn mươi nghìn) đồng;

Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, số CR 889708 số tài khoản 060255852161 do Ngân hàng thương mại cổ phần S1 – Chi Nhánh C1 – Phòng G (S2) phát hành ngày 28/9/2020, số tiền gửi tính đến ngày 28/9/2020 là 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng.

1.3. Trường hợp không thu hồi được 10 (mười) thẻ tiết kiệm nêu trên, thì bà Hà Thị B được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để khai nhận di sản thừa kế là 10 (mười) thẻ tiết kiệm theo Di chúc ngày 05/7/2021, số 00016597, quyền số 07/2021TP/SCC/HĐGD do ông Huỳnh Tô H3 lập tại Văn Phòng C (nay là Văn phòng C) ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Huỳnh Hữu T trả cho bà Hà Thị B bản chính 10 (mười) thẻ tiết kiệm nêu trên.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Hữu T về việc hủy Di chúc ngày 05/7/2021, số công chứng 00016597, quyền số 07/2021TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Văn phòng C).

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Điền Thị Kim H về việc:

- Hủy Di chúc ngày 05/7/2021, số công chứng 00016597, quyền số 07/2021TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Văn phòng C);

- Công nhận bà Điền Thị Kim H có 50% (năm mươi phần trăm) quyền sở hữu 10 (mười) thẻ tiết kiệm có tiền gốc và tiền lãi là tài sản chung của ông Huỳnh Tô H3 và bà Điền Thị Kim H, phần của bà Điền Thị Kim H là $12.452.190.137 \text{ đồng} / 2 = 6.226.095.068$ (sáu tỷ, hai trăm hai mươi sáu triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn, không trăm sáu mươi tám) đồng.

- Xác định 50% (năm mươi phần trăm) tài sản tại 10 (mười) thẻ tiết kiệm trên thuộc quyền sở hữu của ông Huỳnh Tô H3 để lại và chia cho 02 (hai) người thừa kế là bà Điền Thị Kim H và ông Huỳnh Hữu T; bà H và ông T mỗi người được hưởng 25% (hai mươi lăm phần trăm) giá trị của 10 (mười) thẻ tiết kiệm, tương ứng với số tiền mỗi người được hưởng là 3.113.047.534 (ba tỷ, một trăm mười ba triệu, không trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi bốn) đồng.

5. Các bên Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về chi phí tố tụng: Bà Điền Thị Kim H tự nguyện chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.000.000 (năm triệu) đồng và đã nộp xong.

7. Về án phí:

7.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Hà Thị B thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.
- Bà Điền Thị Kim H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm của yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận; chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và 117.339.143 (một trăm mười bảy triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, một trăm bốn mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm của yêu cầu phản tố không được chấp nhận nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Điền Thị Kim H đã nộp là 58.150.730 (năm mươi tám triệu, một trăm năm mươi nghìn, bảy trăm ba mươi) đồng theo Biên lai thu số 0010021 ngày 16/3/2023. Bà Điền Thị Kim H phải nộp thêm số tiền án phí là 59.788.413 (năm mươi chín triệu, bảy trăm tám mươi tám nghìn, bốn trăm mười ba) đồng.
- Ông Huỳnh Hữu T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm của yêu cầu phản tố không được chấp nhận nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Huỳnh Hữu T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0033639 ngày 21/3/2022. Ông Huỳnh Hữu T đã nộp đủ phần án phí của yêu cầu phản tố không được chấp nhận.

7.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Hữu T và bà Điền Thị Kim H mỗi người chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0043606 ngày 02/10/2024 và Biên lai số 0043605 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T, bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh;
- TAND quận Bình Tân, Tp.Hồ Chí Minh;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS Tp.Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận Bình Tân, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị Anh Minh